



BẠCH NGỌC CHIẾN  
VƯƠNG QUÂN HOÀNG

# BẢNG CHỨNG CUỘC SỐNG

SUY NGẪM VỀ  
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG  
VIỆT NAM



NHÀ XUẤT BẢN  
CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

# **BẢNG CHỨNG CUỘC SỐNG**

SUY NGÃM VỀ  
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG  
VIỆT NAM

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

VIỆT NAM

BẠCH NGỌC CHIẾN  
VƯƠNG QUÂN HOÀNG

**BẰNG CHỨNG CUỘC SỐNG**  
SUY NGẪM VỀ  
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG  
VIỆT NAM

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT**  
**HÀ NỘI - 2015**

# Lời nhà xuất bản

Trong 30 năm qua, đặc biệt là những năm gần đây, Việt Nam đã tận dụng thời cơ, thuận lợi, vượt qua nhiều khó khăn; thách thức, thực hiện phát triển bền vững đất nước và đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Đất nước đã ra khỏi tình trạng kém phát triển, kinh tế tăng trưởng khá nhanh, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện. Vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao, tạo ra những tiền đề quan trọng để phát triển nhanh, bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân. Tuy nhiên, trong giai đoạn hiện nay, phát triển bền vững Việt Nam đang đứng trước nhiều khó khăn, thách thức lớn có tính chất toàn cầu (khủng hoảng tài chính, năng lượng, vấn đề an ninh lương thực, biến đổi khí hậu,...) cũng như những khó khăn, thách thức chủ quan khác của đất nước (thành tựu đạt được chưa tương xứng với tiềm năng; chất lượng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp; tăng trưởng kinh tế còn dựa nhiều vào các yếu tố phát triển theo chiều rộng, chậm chuyển sang phát triển theo chiều sâu; việc khai thác và sử dụng tài nguyên chưa thật hợp lý và tiết kiệm; các cân đối kinh tế vĩ mô chưa thật vững chắc, bội chi ngân sách, thâm hụt cán cân thương mại còn lớn, lạm phát còn cao; môi trường sinh thái ở nhiều nơi bị ô nhiễm nặng,...).

Nhằm cung cấp thêm tài liệu nghiên cứu về vấn đề nêu trên, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản cuốn sách ***Bằng chứng cuộc sống - Suy nghĩ về phát triển bền***

**vững Việt Nam** của đồng tác giả Bạch Ngọc Chiến và Vương Quân Hoàng.

Ngoài phần mở đầu, phụ lục kỹ thuật, tài liệu tham khảo, cuốn sách gồm 5 chương chính:

Chương 1. *Mạch nguồn*;

Chương 2. *Con người, xã hội và nhà nước*;

Chương 3. *Sức vóc kinh tế*;

Chương 4. *Trí lực quốc dân*;

Chương 5. *Tiến hóa*.

Với tư duy và phương pháp tiếp cận khoa học, các tác giả dẫn dắt bạn đọc đi từ các quan sát về lịch sử hình thành dân tộc, sự phát triển và hoàn thiện của con người, xã hội, nhà nước trong tiến trình lịch sử đến sự phát triển kinh tế của đất nước ta. Mục tiêu cuối cùng mà các tác giả muốn đề cập là phương pháp và năng lực tổ chức, thiết kế và thực thi những kế hoạch phát triển phù hợp trong điều kiện hạn chế về nguồn lực và đối mặt với những thay đổi của cục diện trong nước và quốc tế. Nội dung cuốn sách cũng giúp làm sáng tỏ nhiều câu hỏi, gợi mở cách nhìn nhận về tương lai phát triển của đất nước.

Cuốn sách thể hiện quá trình nghiên cứu công phu, nghiêm túc, nhiều nhận xét có giá trị tham khảo tốt; tuy nhiên có những ý kiến, nhận xét cần tiếp tục được thảo luận. Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc và mong nhận được ý kiến đóng góp để nội dung cuốn sách được hoàn thiện hơn trong những lần xuất bản sau.

*Tháng 11 năm 2015*

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

# Mục lục

<b>1 Mạch nguồn</b>	<b>1</b>
1.1 Tản Viên . . . . .	3
1.2 Mồ cá . . . . .	10
1.3 1075 . . . . .	17
1.4 Trên bến dưới thuyền . . . . .	24
1.5 “Kén cửa lựa xẻ...” . . . . .	29
1.6 Tượng đài 90 năm . . . . .	33
<b>2 Con người, xã hội và nhà nước</b>	<b>41</b>
2.1 Con người - xã hội - nhà nước . . . . .	43
2.2 Nền móng kinh tế . . . . .	53
2.3 Hệ văn hóa . . . . .	61
2.4 Nhu cầu - động lực . . . . .	71
<b>3 Sức vóc kinh tế</b>	<b>81</b>
3.1 Nguồn lực . . . . .	84
3.2 Chạm bấy . . . . .	97
3.3 Quyết định thực chứng . . . . .	106
<b>4 Trí lực quốc dân</b>	<b>119</b>
4.1 Phân kỳ lịch sử . . . . .	121
4.2 Đội quân ánh sáng . . . . .	134
4.3 Mỹ học của sự tự hoàn thiện . . . . .	148

<b>5</b>	<b>Tiến hóa</b>	<b>181</b>
5.1	Vẻ đẹp tiến hóa . . . . .	182
5.2	Cuộc chiến sinh tồn . . . . .	199
5.3	Mỹ cảm cuộc sống . . . . .	222
<b>6</b>	<b>Phụ lục kỹ thuật</b>	<b>239</b>
6.1	Thống kê kinh tế . . . . .	239
6.2	Nghiện tài nguyên . . . . .	251
6.3	Hiện tượng đổ vỡ tài chính . . . . .	252
6.4	Sản lượng khoa học so sánh ASEAN 4: 1996-2014 .	253
6.5	Năng suất khoa học của các quốc gia và vùng lãnh thổ hàng đầu thế giới: 1996-2014 . . . . .	253

# Danh sách hình

1.1	Một chiếc mō cá treo ở đình làng . . . . .	11
1.2	Câu cá ven sông Hồng . . . . .	16
1.3	Hà Nội qua nét vẽ của Tardieu . . . . .	34
1.4	Bức tranh Daniel và bảy sư tử của Rubens . . . . .	37
2.1	Tăng trưởng 4 nước ASEAN tại các mốc thời gian có ý nghĩa . . . . .	60
2.2	Tháp nhu cầu Maslow . . . . .	73
2.3	GDP Việt Nam, 2003-2014 . . . . .	76
3.1	Tiếp cận nguồn lực đối với phân tích chiến lược . . .	85
3.2	Sản lượng nền kinh tế, 1986-2015 . . . . .	87
3.3	Tăng trưởng sản lượng nền kinh tế, 2000-2015 . . .	88
3.4	Tích tụ vốn (GFCF) của hệ thống kinh tế, 1995-2014	88
3.5	Sản lượng bình quân đầu người, 1984-2014 . . . . .	89
3.6	Sản lượng bình quân đầu người tính theo sức mua tương đương, 1990-2014 . . . . .	90
3.7	Lương bình quân của người lao động/tháng, 2009- 2015 . . . . .	91
3.8	Thu của chính phủ, 1995-2013 . . . . .	92
3.9	Chi tiêu chính phủ, 1995-2014 . . . . .	92
3.10	Cán cân ngân sách chính phủ, 1988-2015 . . . . .	93
3.11	Tiêu dùng của dân cư, 1993-2013 . . . . .	94
3.12	Lạm phát, 1996-2015 . . . . .	94



3.13	Dự trữ ngoại hối của Việt Nam, 2005-2014 . . . . .	95
3.14	Cung tiền mở rộng $M_2$ , 2000-2014 . . . . .	96
3.15	Lãi suất điều hành chính sách tiền tệ so sánh Việt Nam và Mỹ giai đoạn 2000-2015 . . . . .	115
4.1	Tỷ số thu nhập: mức sống tối thiểu, so sánh London - Bắc Kinh . . . . .	132
4.2	Ấn phẩm khoa học xuất bản định kỳ . . . . .	137
4.3	Trường Y khoa Đông Dương Hà Nội năm 1930 . . . . .	144
4.4	Sự trỗi dậy của cụm từ “nhà khoa học” trong xã hội kể từ năm 1850 . . . . .	156
4.5	Người ăn khoai tây . . . . .	165
4.6	Conseil de Physique Solvay năm 1911 . . . . .	170
4.7	Sản lượng khoa học của 25 quốc gia và vùng lãnh thổ đứng đầu thế giới, 1996-2014 . . . . .	173
4.8	Số đăng ký sáng chế cấp tại Việt Nam, 1994-2014 . . . . .	179
5.1	Cái đẹp say giấc . . . . .	194
5.2	Sản lượng khoa học so sánh 4 nước trong ASEAN, giai đoạn 1996-2014 . . . . .	197
5.3	Bản đồ GRACE NASA về cạn kiệt nguồn nước . . . . .	206
5.4	Cuộc chiến thị phần smartphone 2006-2015 . . . . .	208
5.5	Cuộc chiến lợi nhuận smartphone năm 2015 . . . . .	209
5.6	Vòng Faraday 1831 . . . . .	215
5.7	Ghi chép thí nghiệm số 16.041 năm 1860 . . . . .	216
5.8	Tăng trưởng sản lượng quy đổi chung mốc thời gian 4 nước ASEAN . . . . .	236
6.1	Chỉ số sản xuất, 2009-2015 . . . . .	240
6.2	Nikkei PMI, 2012-2015 . . . . .	240
6.3	Chỉ số bán lẻ, 2002-2015 . . . . .	241
6.4	CPI, 1995-2015 . . . . .	243
6.5	Lạm phát trên giá thực phẩm, 2004-2015 . . . . .	244
6.6	Cung tiền hẹp ( $M_0$ ), 2000-2015 . . . . .	245

6.7	Lãi suất tái cấp vốn, 2000-2015 . . . . .	246
6.8	Cán cân thương mại, 1998-2015 . . . . .	247
6.9	Cán cân vãng lai so với GDP, 2006-2015 . . . . .	247
6.10	Mức nhân dụng của nền kinh tế, 2003-2015 . . .	248
6.11	Tỷ lệ thất nghiệp theo thống kê chính thức, 1998- 2015 . . . . .	249
6.12	Kim ngạch xuất khẩu, 2001-2015 . . . . .	250
6.13	Đầu tư nước ngoài FDI, 2001-2015 . . . . .	250
6.14	Tỷ giá hối đoái USD:VND, 2004-2015 . . . . .	251
6.15	Sản lượng bài nghiên cứu của 25 quốc gia và vùng lãnh thổ đứng đầu thế giới, 1996-2014 . . . . .	255

# Chương 1

## Mạch nguồn

Đất nước Việt Nam có một lịch sử lâu dài tới hàng nghìn năm. Thời kỳ trị vì của triều đại Hùng Vương thứ nhất kết thúc vào khoảng năm 2.794 trước Công nguyên, và được kế tục bởi Lạc Long Quân, là Hùng Vương thứ hai, cùng với các vị vua tiếp tục khác cùng sử dụng danh xưng này, cho tới năm 2.525 trước Công nguyên.

Triều đại Hùng Vương thứ ba là Hùng Lân Vương (2.524-2.253 trước Công nguyên), lấy niên hiệu là Hùng Quốc Vương, đổi tên nước là Văn Lang và dời đô về Phong Châu. Các triều đại Hùng Vương kết thúc ở niên hiệu thứ 18, Hùng Duệ Vương (408-258 trước Công nguyên). Như vậy, 2.622 năm khởi thủy của nước Việt Nam là thời kỳ liên tục trị vì của 18 triều Hùng Vương, và chỉ kết thúc khi Thục Phán An Dương Vương chiếm quyền cai trị Văn Lang, lập ra nhà nước Âu Lạc, cai trị khoảng 30 năm (208-179 trước Công nguyên, theo cứ liệu sử mới có đối chiếu).

Thông qua bằng chứng là các tạo tác đồ đồng và sự ghi chép tường minh (có thể đối chiếu, so sánh và kết nối), có thể thấy, kể từ thời An Dương Vương với di tích Cổ Loa, thời kỳ huyền sử đã chấm dứt.

Huyền sử đẹp và hào hùng của dòng giống tiên rồng góp phần xây nên lòng tự hào truyền thống dựng và giữ nước của người Việt Nam từ cổ chí kim. Tuy vậy, nó cũng khiến nảy sinh những bất đồng về mốc lịch sử, tính xác thực, những nghi vấn và tranh luận,... chủ yếu là do khuyết thiếu các bằng chứng sử sách và khảo cổ. Ví dụ thời kỳ dài 2.622 năm rất khó lý giải bằng 18 đời Hùng Vương (tính ra trung bình mỗi vị cai trị tới 146 năm!).

Có một số người tìm cách giải thích rằng mỗi đời Hùng Vương thực ra là nhiều người làm vua sử dụng chung một niên hiệu. Tuy nhiên, dường như cách giải thích ấy cũng khiên cưỡng và lại thiếu bằng chứng. Có những ý kiến khác lại cho rằng xét về “tính hợp lý” thì các triều đại Hùng Vương chỉ kéo dài khoảng 300 năm. Nhưng như thế lại bỏ qua thông tin ghi chép đã có trong lịch sử về mốc 2.879 trước Công nguyên mà như chúng ta đã biết, mỗi con số được lưu giữ hẳn có một ý nghĩa đáng kể. Bỏ qua nó bằng cách suy đoán cũng không phải là cách làm khoa học. Bên cạnh đó, việc giải thích cho hợp lý hơn ý nghĩa “tiên - rồng” bằng các quá trình lịch sử và những biến cố hợp tan của các nhóm cư dân, chiến tranh, lãnh thổ tiến rồi lùi... về cơ bản vẫn mang tính chất phỏng ước, đoán định.

Ngoài ra, truyện thần tiên có màu sắc êm dịu hòa bình này dường như không phản ánh đúng sự thật của thời kỳ tranh đấu giữa các chủng tộc, giành giật quyền lực cai trị các vùng đất, và những dấu vết chiến tranh, những địa danh và dòng tộc gắn liền với xung đột thời kỳ phôi thai của nhà nước chiếm hữu nô lệ.

Tuy nhiên, mục tiêu cuốn sách không có ý - và chắc chắn cũng không đủ khả năng - lấn sân của các sử gia. Các mục nội dung của chương mượn một vài hình tượng, sự kiện, mốc phát triển theo dòng chảy lịch sử để bàn về sự sống của đất nước qua các hoạt động của con người trên mảnh đất Việt Nam - sự xác định cương thổ cũng theo bối cảnh lịch sử - với mong muốn phác họa sự tương đồng, nét đặc trưng hay tác động của xu hướng.

## 1.1 Tản Viên

Ngọn núi Tản Viên - thuộc địa phận Ba Vì, Hà Nội - từ hàng nghìn đời nay được coi là nhà của Sơn Tinh, vị thần núi Tản (còn được gọi một cách kính cẩn là Tản Viên Sơn Thánh). Dường như rất hiếm người sinh ra trên đất nước Việt Nam mà lại không biết tới truyền thuyết Sơn Tinh - Thủy Tinh diễn ra ở khu vực được gọi là ngọn núi tổ của huyền sử lập quốc Việt Nam.

Sơn Tinh là vị thần núi được người Việt Nam tôn kính gọi là một trong bốn vị thần bất tử của dân tộc. Truyền thuyết về ông gắn liền với thuở hồng hoang dựng nước, và xây dựng qua hai kỳ tích điển hình<sup>1</sup>.

Không chỉ là một vị thần có công dựng xây đất nước, trên nhiều mặt của đời sống cư dân Văn Lang, Tản Viên Sơn Thánh còn được truyền lại là một vị tướng tham gia đánh quân Thục để bảo vệ bờ cõi, nghĩa là ghi nhận công lao giữ nước cùng với Hùng Vương thứ 18. Cả hai thành tố dựng nước và giữ nước mà Chủ tịch Hồ Chí Minh (1890-1969) - người sáng lập nhà nước Việt Nam hiện đại, đề cập khi gặp chiến sĩ Đại đoàn 308 vào tháng 9-1954 (trước khi tiếp quản thủ đô Hà Nội sau thắng lợi của chiến dịch Điện Biên Phủ), tại khu di tích Đền Hùng Vương (Phú Thọ), đều được phản ánh rõ nét qua truyền thuyết ra đời rất sớm về thân thế và sự nghiệp của Tản Viên Sơn Thánh<sup>2</sup>.

\*  
\* \*

Ta nhắc lại truyền thuyết tranh đấu Sơn Tinh - Thủy Tinh. Vị thần núi Sơn Tinh và vua Động Đình Hồ Thủy Tinh cùng đem

---

<sup>1</sup>Có một số tác giả lập luận rằng qua hai kỳ tích có thể thấy là hai nhân vật khác nhau, một cổ tích, một lịch sử. Tuy nhiên, cách giải thích này cũng chỉ mới “đặt ra nghi vấn” và không thật thuyết phục, do tìm cách trả lời một câu hỏi bằng việc đặt ra một câu hỏi mới. Đối với mục tiêu cuốn sách này, sự chia tách ấy lại không có nhiều ý nghĩa.

<sup>2</sup>Xem [19].

lòng yêu và muốn cưới con gái Hùng Vương thứ 18, tên là Ngọc Hoa. Cả hai đều tài ba, vua Hùng khó nghĩ, đành yêu cầu lễ vật đúng hẹn để quyết định gả Ngọc Hoa, bao gồm voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao. Sơn Tinh có phép thuật, đã có đủ sinh lễ dâng lên trước, vì vậy được cưới công chúa. Thủy Tinh chậm chân, bị từ chối, hết sức giận dữ, đã sử dụng phép thuật để gọi mây, hô mưa, dâng nước lên, cùng với thủy quái tấn công Sơn Tinh, chặn đường rước dâu. Khi bao vây không được, Thủy Tinh tiếp tục tấn công mạnh hơn nữa, gây ngập lụt và xua các loài thủy quái dữ tợn quấy phá dân lành ở vùng quanh núi Tản, nơi Sơn Tinh đón cô dâu về. Tuy nhiên, Sơn Tinh đã xứng danh là vị phò mã, tài năng đức độ. Thần núi Tản dâng núi lên cao để giảm bớt tổn thất do lũ lụt. Ông cũng chỉ huy nhân dân ngăn chặn thủy quái bằng lưới sắt, lưới tre tại các nhánh sông ngoài vi Hà Nội. Sử dụng cung nỏ để bắn xua đuổi và tiêu diệt thủy quái. Thắng lợi cuối cùng thuộc về thần núi Tản và những cư dân Việt Nam dưới sự chỉ huy của ông.

Tuy nhiên, đáng quan tâm hơn cả là ký ức ghi nhớ và truyền lại trong dân gian về công lao Sơn Tinh - Ngọc Hoa với nhân dân nước Việt Nam cổ trong xây dựng cộng đồng, phát triển dân sinh. Trước tiên là đắp đê, trị thủy, chế ngự sức tàn phá của lũ lụt trong mùa mưa bão, đỉnh điểm là vào tháng 8 hàng năm. Tiếp đến là nghề nghiệp sinh sống, tạo thành cộng đồng ổn định. Vì thế, Sơn Tinh còn được coi là vị thần bách nghệ, góp phần tạo nên sinh lực kinh tế cho dân cư nước Việt Nam thuở hồng hoang.

Truyền thuyết kể rằng Sơn Tinh bày cho dân biết cách làm ra lửa từ việc cọ xát hai ống giang (một loại tre phổ biến ở núi rừng miền Bắc) vào nhau, rồi cho bén vào rơm rạ khô. Nhân dân có thể chủ động tạo ra lửa từ ngày ấy.

Công lao dạy dân cách trồng lúa nước cũng được cho là nhờ Sơn Tinh. Ông chỉ dạy dân cách tận dụng đất tốt nhưng ngập nước, tìm cho dân hạt giống, cách gieo mạ và cấy lúa trên

đất phù sa. Nghề nông ổn định dẫn tới sinh hoạt văn nghệ như múa hát, mở hội mừng mùa lúa chín.

Thần núi Tản cũng chỉ dạy dân cách săn thú bằng việc làm bẫy hãm, gài tên nỏ hoặc căng lưới vây bắt. Các kỹ thuật ấy đã tạo ra những phường săn có tổ chức.

Khi thấy dân chúng quanh sông Hồng chỉ mò và úp cá vắt vả, sản lượng thấp, Sơn Tinh nghĩ ra cách đan vó và lưới kéo để dạy cách làm nghề đánh cá, kéo vó. Cư dân kéo vó coi Thánh Tản là tổ nghề, nên dân chúng có tục lệ chọn con cá to nhất đánh được làm cỗ cúng ông.

Trong cuộc đấu với Thủy Tinh, Sơn Tinh cũng luyện võ nghệ cho dân chúng cả trên cạn và dưới nước, sử dụng nhíp trống, cờ hiệu và thuyền. Đến nay dân chúng vùng Phú Thọ và Ba Vi vẫn có tục bơi thuyền rước quân, đấu vật và mở hội Chém Mày để cầu mùa màng tươi tốt.

Tương truyền Ngọc Hoa công chúa đã dạy cho người dân biết cách ươm tơ, dệt lụa, bắt đầu từ vùng đất bãi sông Thao, sông Hồng. Những tấm lụa đẹp nhất để cúng tiến Hùng Vương. Nghề lụa phát triển từ đó.

Hệ thống kinh tế và không gian kinh tế lần đầu xuất hiện ở đây.

Nghệ thuật múa hát trong dân gian cũng được cho là đóng góp của Sơn Tinh. Ngoài việc dạy dân múa hát, mở hội để ăn mừng lúa và cầu mùa sau, ông cũng bày cho dân ca hát và múa để Ngọc Hoa khuây khỏa, và cuộc rước dâu về núi Tản tốt đẹp. Từ đây, hệ văn hóa xã hội dần hình thành. Các tục lệ và hoạt động nghệ thuật dân gian vẫn còn lưu truyền tới ngày nay, ở các khu vực thuộc Phong Châu (Phú Thọ) và Ba Vi (Hà Nội).

\*  
\* \*

Câu chuyện thứ hai lưu truyền trong dân gian về công lao của Tản Viên Sơn Thánh đề cập tới vai trò trong bảo vệ cương

thổ đất nước ở triều Hùng Vương thứ 18<sup>3</sup>. Thời kỳ này, Thục Phán thu phục được miền đất ở phía tây nam Trung Quốc, gồm tỉnh Nam Ninh, vùng đất Cao Bằng và Hà Giang ở phía bắc, lập ra nước Nam Cương của người Tây Âu. Thục Phán muốn chiếm Văn Lang.

Các đạo quân của Thục Phán nhiều lần tiến đánh các vùng đất của Hùng Vương, do đó Tản Viên Sơn Thánh được truyền lệnh tuyển quân và tổ chức lực lượng bảo vệ bờ cõi. Trong số các lạc tướng tham gia quân đội của Sơn Tinh có hai vị thánh sau này cũng được ghi lại trong thần tích ở nhiều đền miếu là Cao Sơn và Quý Minh. Đội quân của Tản Viên Sơn Thánh và các cánh của Cao Sơn, Quý Minh đã chặn đánh 5 cánh quân của Thục Phán. Quân của Sơn Tinh đã nhử quân Thục vào địa hình các khe núi hiểm trở và dùng tên nổ phục kích, gây tổn thất lớn và phá tan sức chiến đấu của quân Thục. Thục Phán buộc phải lui quân, nhưng trong lòng vẫn muốn tiếp tục chiến tranh để giành lấy Văn Lang. Hơn mười năm liên tiếp chiến tranh, nhưng Thục Phán vẫn không thể thắng các lạc tướng của Hùng Vương dưới sự chỉ huy của Tản Viên Sơn Thánh.

Về sau, Hùng Duệ Vương già yếu và muốn truyền lại ngôi báu cho Tản Viên Sơn Thánh. Mặc dù vị sơn thần đã thề sẽ bảo vệ bờ cõi, nhưng ngài lại không nhận ngôi vua. Truyền thuyết kể rằng sau đó Sơn Tinh đã khuyên Hùng Duệ Vương nhường ngôi cho Thục Phán. Thục Phán lên ngôi lấy hiệu là An Dương Vương lập cột đá thề trên núi Nghĩa Lĩnh, thề rằng: “Nguyện có trời cao lồng lộng chứng giám xét soi, xin đời đời giữ gìn non sông bền vững và miếu vũ họ Hùng. Nếu sai lời thề sẽ bị trắng vùi gió dập”. An Dương Vương sáp nhập các vùng đất Tây Âu với Văn Lang thành nhà nước Âu Lạc, đóng đô ở Cổ Loa (Sóc Sơn, Hà Nội). Sau này An Dương Vương đã kháng chiến chống quân Tần do tướng giặc Đồ Thư chỉ huy tiến đánh theo lệnh của Tần Thủy Hoàng trong suốt 10 năm. An Dương Vương sử dụng chiến

---

<sup>3</sup>Xem [58].



lược vườn không nhà trống và theo đuổi chiến tranh du kích. Cuối cùng Đồ Thư bị chết trong chiến trận, nhà Tần buộc phải lui binh.

\*  
\*   \*

Trong dân gian, công lao giữ nước của Sơn Tinh vẫn không dừng lại sau khi cuộc chiến Hùng - Thục kết thúc<sup>4</sup>. Thần núi Tản đã cùng Ngọc Hoa công chúa và Hùng Duệ Vương về trời. Sau đó, để giữ yên nước, Sơn Tinh đã xin được giáng trần cai quản dãy núi Ba Vì, nơi mà Nguyễn Trãi về sau gọi là “ngọn núi tổ của nước Việt”.

Điển tích “Lấy bẫy như Cao Biền dây non” kể về tướng nhà Đường tên Cao Biền, được giao cai trị nước Nam lúc đó trong thời kỳ Bắc thuộc thứ nhất. Ngoài việc sử sách ghi Cao Biền là một tướng có tài, dân gian còn truyền kể ông ta có tài thuật địa lý. Biền lại kiếm được bút sắt thần trong kho nhà Đường, nên vẽ điều trên giấy cũng có thể bay và cưỡi được. Tới nước Việt - thời đó gọi là Giao Châu - Cao Biền nhận ra vượng khí và tin rằng có thể tống táng ở một địa thế hàm rồng đang mở ở sông Trà Khúc, Quảng Ngãi. Sau khi việc táng hài cốt vào hàm rồng thất bại, con gái và con rể chết, Cao Biền uất khí dùng điều giấy đi trần yểm và phá long mạch đất Việt, nhằm triệt hạ nguồn hào khí tương lai. Cuối cùng, đến Ninh Bình, ông ta bị nhân dân dùng tên nổ bắn, rơi từ điều xuống đất, bị trọng thương phải đưa về Trung Hoa chữa trị. Cuối cùng Biền tạo phản và bị vua giết.

Truyện thuyết cũng kể rằng vua Trung Hoa Đường Y Tôn coi núi Tản là đầu rồng oai hùng, còn cả dãy Trường Sơn là thân rồng đầy khí lực, nên Cao Biền trần yểm toàn vùng. Biền dùng pháp thuật đào 100 giếng quanh chân núi Ba Vì để triệt long mạch. Nhưng cứ đào gần xong thì giếng lại sập. Cao Biền

---

<sup>4</sup>Cũng có những thuyết cho rằng cuộc chiến này kết thúc khi Thục Phán dùng vũ lực đánh đuổi Hùng Duệ Vương, chiếm lấy Văn Lang.

không thể yếm được ở vùng đất thiêng Tản Viên Sơn Thánh trấn giữ. Biên bày kế lập đàn cúng tế, định lửa thần hiện lên rồi dùng kiếm chém. Nhưng Sơn thần đã biết trước. Biên lại nghĩ mẹo đào long mạch rồi chôn kim khí, nhằm triệt hạ lâu dài. Nhưng mỗi khi chuẩn bị đào, thì mây gió, mưa bão, sấm chớp lại kéo đến âm ỉm, đành bỏ dở việc. Biết không phải đối thủ của thần núi Tản mà ở lâu hơn nữa sẽ bỏ mạng, Biên đành khăn gói bỏ đi sớm. Riêng đất Đường Lâm - nơi sinh ra Lý Bí vào thế kỷ VI (503-548) và Phùng Hưng vào thế kỷ VIII (761-802) - là đất địa linh nhân kiệt, Cao Biên càng ra sức trấn yếm, nhưng cũng không thành. Chẳng bao lâu sau khi Cao Biên chết (năm 887) đất Đường Lâm lại sinh ra Ngô Quyền (897-944) vào thế kỷ X. Ngô Vương tài ba đã chấm dứt hơn 1.000 năm Bắc thuộc bằng trận đánh vang dội lịch sử, tiêu diệt con vua Nam Hán Lưu Hoằng Tháo và hơn một vạn quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm 938, nổi lại long mạch sơn hà một dải.

\*

\* \*

Một chuỗi các câu chuyện vừa tái hiện trên nhằm khơi dậy suy nghĩ về mạch nguồn sự sống nước Việt Nam, bắt kể chúng ta có tin hay còn hoài nghi về những chi tiết cổ sử, thần tiên.

Không khó để thấy, mạch nguồn ấy vừa là sự hội tụ linh khí trời đất ở phương Nam mà thành, vừa là nỗ lực có ý thức của cư dân trong việc bảo vệ cộng đồng sinh tồn, mục đích truyền lại sinh lực nhiều đời, mà về sau tổ chức nhà nước đảm đương một phần trọng trách theo cách mà ngày nay hay gọi là “chuyên nghiệp hóa”.

Ngay từ huyền sử lập quốc, người Việt Nam không trông chờ vào mưa thuận gió hòa, thiên nhiên ưu đãi, mà tin vào giá trị của công sức bỏ ra, của xương máu hy sinh để bảo vệ thành tựu mà khó khăn, vất vả lắm mới có được, cho dù còn rất sơ khai trong buổi hồng hoang. Cư dân Việt Nam cổ ý thức được giá trị

kinh tế trong việc xây dựng cộng đồng từ rất sớm, và mạch sống tự nhiên đưa đến thực tế tôn kính thờ phụng vai trò tổ nghề của Sơn Tinh trong nhiều lĩnh vực. Chỉ riêng địa bàn huyện Ba Vì (Hà Nội) đã có tới 600 di tích lịch sử - văn hóa phân nhiều liên quan tới huyền sử, và trong số đó hơn 100 di tích dành riêng cho vị thần núi Tản. Kể từ khi phục hồi lễ hội Tản Viên Sơn Thánh, lượng du khách tới Ba Vì đã lên tới khoảng 2,5 triệu lượt người.

Nghịch lý ở chỗ, một khi xã hội sơ khai hình thành và cộng đồng cư dân bắt đầu có được những thành tựu đầu tiên, cũng là lúc sức sống ấy bị đe dọa. Ngày nay, lý thuyết kinh tế chính trị hiện đại tạm chia thành các trường phái phát triển dựa vào: a) Bối cảnh địa lý, môi trường sinh thái; b) Hiệu lực và hiệu quả của các thể chế hình thành trong xã hội, bao gồm cả nhà nước; c) Tác động đa chiều của dòng chảy địa kinh tế, địa chính trị, mà biểu hiện đương thời là trào lưu toàn cầu hóa, khu vực hóa. Bóng dáng của các trường phái này đều ít nhiều được phản chiếu qua bối cảnh lịch sử của câu chuyện thần núi Tản. Nếu chúng ta công nhận mệnh đề của nhà vật lý lỗi lạc Albert Einstein, rằng kinh nghiệm là nguồn gốc duy nhất của kiến thức, thì không thể phủ nhận là người Việt Nam từ cổ xưa đã chạm tới nguồn gốc kiến thức mà chúng ta sau hơn 2.000 năm vẫn đang đọc, ngẫm nghĩ để cố hiểu ra ngụ ý cho bản thân, cộng đồng và quốc gia.

Sự chiếm đóng, nô dịch, đồng hóa cả ngàn năm của thế lực phong kiến phương Bắc không thể phá vỡ được tinh thần quật cường và lòng tự tôn dân tộc. Những thủ đoạn tà ma, pháp thuật nhằm ngay vào núi tổ linh thiêng không thể cắt phá được long mạch dân tộc. Sau Đường Lâm lại tiếp nối những chùa Dâu đời Lý, Côn Sơn - Kiếp Bạc đời Trần, Lam Sơn (Thanh Hóa) đời hậu Lê, v.v.. Ấy là vì linh khí đất Việt vẫn cuộn cuộn chảy dưới mạch đất, trong lòng người và xuyên suốt tinh thần của nhiều thế hệ. Gặp khi thuận lòng trời, thuận lòng người, linh khí ấy sẽ bùng phát thành sức mạnh được hội tụ vì cội nguồn chung, chống lại mỗi nguy chung và hướng đến tương lai chung. Nói

như Lê Văn Hưu: “Thời không bĩ mãi, tất có lúc thái; thế không khuất mãi, tất có lúc vươn”<sup>5</sup>.

Mạch nguồn sự sống đã và sẽ là *nếp nhăn* khắc sâu trong ký ức và ý thức về sức mạnh cội nguồn đất Việt.

## 1.2 Mõ cá

Đời sống kinh tế - xã hội Việt Nam không thể tách rời những tính chất và thể thức lâu đời của một quốc gia nông nghiệp, mà những biểu hiện thờ phụng tôn kính Sơn Tinh như đã đề cập ở mục trước có ý nghĩa phản ánh bản chất giá trị đã tồn tại hàng nghìn năm. Một trong những thể thức quan trọng nhất trong đó chứa đựng các hệ giá trị và đặc trưng vận hành là đơn vị làng xã. Bây giờ chúng ta sẽ nghiên cứu, xem xét làng xã với tư cách là nơi khởi phát của những ý niệm xã hội, sáng kiến của nhân dân và tạo lập nên con đường sống cho cộng đồng. Đó cũng là nơi hình thành và duy trì những dạng thức kế ước xã hội của người Việt Nam.

\*  
\* \*

Trước tiên, phải đề cập tới một trật tự thể hiện qua kết cấu làng xã về mặt con người, văn hóa, phân công chức năng, phương thức tổ chức hệ thống kinh tế và những khía cạnh tương tự. Mô thức của kết cấu ấy cơ bản có tính khép kín<sup>6</sup>. Hình tượng chiếc mõ cá chứa cả một trầm tích giá trị phản ánh trật tự ấy. Dù hiểu đơn giản thì mõ là khí cụ tạo âm thanh, nhưng mõ cá như ở điểm nghỉ hay đình làng còn đóng vai nhân chứng của những quá trình xã hội xảy ra trong cộng đồng. Hình tượng mõ

---

<sup>5</sup>Xem [141]: 89. *Đại Việt sử ký toàn thư*, nhiều tác giả, trải qua hơn 200 năm biên soạn, bổ sung, khởi đầu từ Ngô Sĩ Liên năm 1427, và tiếp nối bởi các danh sĩ Phạm Công Trứ, Lê Hy, Nguyễn Quý Đức. Hoàn thành năm 1697.

<sup>6</sup>Xem [133]: 17.

cá liên quan tới khái niệm trung tâm của cộng đồng làng xã: bàn và quyết việc làng.

Hình 1.1: Một chiếc mõ cá treo ở đình làng



© 2015 các tác giả

Trong Hình 1.1 là chiếc mõ cá làm từ gỗ trắc, bên trong rỗng, dài gần 1,5 m, treo ở đình làng Mông Phụ, Đường Lâm, Sơn Tây, Hà Nội.

Theo chúng tôi, sử dụng vật chứng lịch sử mõ cá này như một chiếc chìa khóa, tra vào ổ khóa “việc làng”, sẽ mở ra một cánh cửa đầy ắp các sự kiện không những quan trọng mà còn rất lý thú, trải rộng dài theo năm tháng lịch sử, thấm đẫm tinh

thần nhân dân và những trầm tích văn hóa, tín ngưỡng, cùng với giáo lý cuộc sống lúc ẩn lúc hiện.

Trong dân gian cũng lưu truyền sự tích mỗ cá rất sâu sắc, liên quan tới Phật giáo. Chuyện kể rằng có nhà sư đi trên đò, tới giữa sông thì gặp sóng dữ, con cá lớn to gờm ghiếc nổi lên. Mọi người sợ hãi còn nhà sư vẫn bình thản niệm Phật. Con cá đòi người trên đò quăng nhà sư xuống nước để nó ăn thịt thì sẽ tha những người khác. Cá nói rằng nó oán hận tăng lữ nhà Phật do kiếp trước tu hành không thành và bị đẩy đọa vào kiếp cá, đói khổ, đau đớn thân xác không biết ngày nào mới thoát. Nhà sư không sợ hãi và mắng lại con cá rằng, sự đẩy đọa kiếp này là do không tu tập tử tế, đã thế còn muốn sinh sự làm điều ác nữa. Nếu không có sư tăng cầu siêu độ cho thì nó mãi mãi không có cơ hội thoát kiếp nạn. Nghe xong con cá lặn đi. Sau bảy ngày nhà sư câu kinh bỗng thấy con cá ấy lết vào sân chùa. Con cá nói với nhà sư rằng nhờ nghe kinh siêu độ, nó sắp được thoát kiếp cá, lên tiên giới. Nó muốn tạ ơn bằng cách lưu lại thân xác trong chùa để mỗi ngày tăng ni gõ lên đầu nó, làm gương cho những kẻ tu hành biếng nhác, ưa khoe khoang, phạm giới luật, qua đó nhắc nhở bổn phận tu tâm, tích đức và hành đạo.

Phật giáo vào Việt Nam muộn hơn nhiều so với sự hình thành cộng đồng làng xã. Như vậy, việc gán sự tích mỗ cá như một cổ tích Phật giáo có thể hiểu như một cách để đưa giáo lý và giá trị tín ngưỡng Phật giáo vào trong ý thức hệ của một cộng đồng đang tồn tại theo quy tắc, trật tự và kết cấu xác định. Nói cách khác, những người truyền đạo đã lựa sao cho giáo lý nhà Phật được chấp nhận một cách “tự nhiên”. Điều này chứng tỏ rằng, hệ sinh thái xã hội làm nên sức sống của làng xã Việt, cũng giúp khơi mạch nguồn sống cho cư dân, dẫn đến những phân tích tiếp theo.

\*

\* \*

Làng xã đóng vai trò con trở lịch sử tới cội nguồn từng cá

nhân, sự quay trở lại để đánh dấu mốc trưởng thành của mỗi con người (nếu ở xa), và cũng là nơi quay trở về trước lúc cáo chung một cuộc đời. Những ý niệm như “nơi chôn nhau cắt rốn” hay “vinh quy bái tổ” (với người đỗ đạt, trưởng thành), “về vườn” hay “thờ phụng tổ tiên” đều góp phần phản ánh vai trò mạch nguồn sống của làng xã Việt hàng nghìn năm nay.

Không gian địa lý và cộng đồng con người sinh sống tạo nên một không gian sinh tồn, có giá trị kinh tế, văn hóa, giáo dục, tín ngưỡng,... giúp các thế hệ con người sinh ra và trưởng thành. Đa số cá nhân tiếp nhận những bài học đầu tiên của cuộc sống trong không gian này, qua gia đình, hàng xóm. Các nghề truyền thống truyền lại cho đời sau để có kế sinh nhai cũng gắn với những làng xóm cụ thể. Tục thờ thành hoàng làng (thường đóng vai người có công chỉ dạy nghề đầu tiên cho làng) cũng phản ánh nội dung không gian kinh tế của làng xã Việt, dù là nghề nông hay thủ công<sup>7</sup>.

Hệ văn hóa và sự phong phú về cách thức trong công cuộc giáo dục hệ giá trị chân - thiện - mỹ, sự bảo tồn trật tự, quy tắc đạo đức cũng được phản ánh qua sinh hoạt làng xã và các thành phần (dòng họ, gia đình, cá nhân). Tính bền bỉ của hệ giá trị của loại hình không gian sinh tồn có khả năng nhân rộng, truyền đời, có thể cho thấy một phép tương tự với sự vận hành của DNA trong việc phân chia tế bào và sinh sản duy trì nòi giống của thế giới tự nhiên. Đến nay, có người nghiên cứu cho rằng một số gen làng xã lại trội lên sau những khoảng thời gian tưởng như đã lặn đi hẳn trong sự biến dịch của lịch sử hiện đại<sup>8</sup>.

Trong thế giới tự nhiên, khoa học hiện đại ngày càng khám phá, nắm bắt sâu những quy luật tồn tại, sinh trưởng và vận động. Làng xã cũng có thể được xem như một cơ quan chức năng sự sống của xã hội, trong đó tế bào là gia đình. Cách so

---

<sup>7</sup>Có một ngoại lệ là bác sĩ Alexandre Yersin được nhân dân Tân Xương, Suối Dầu, Nha Trang thờ làm thành hoàng làng do những công hiến vĩ đại của ông. Thông tin về vị thành hoàng làng đặc biệt này trình bày ở trang 143.

<sup>8</sup>Xem [131]: 712.

sánh gia đình như tế bào hiện nay cũng rất phổ biến. Nhìn vào chiều sâu, phép tương tự này có lý cả về mặt giải thích các quá trình và hiện tượng. Hơn nữa, từ xa xưa, các thể chế chính trị - xã hội đã tận dụng những cơ quan, tế bào xã hội đó để duy trì sự ổn định của hệ thống chính trị quốc gia, ví dụ như cấy ghép các nguyên tắc Nho giáo vào hệ giá trị cộng đồng làng xã, hay lợi dụng tập tục và hương ước - lệ làng để thẩm thấu hệ thống pháp luật mới như Lê Thánh Tông (1442-1497) chủ kiến với Bộ luật Hồng Đức<sup>9</sup>.

Bên cạnh đó, không nên cho rằng làng xã chỉ đóng góp cho duy trì ổn định trật tự chính trị. Cơ quan xã hội này có vai trò rất to lớn trong việc mở rộng không gian kinh tế, thông qua thúc đẩy ảnh hưởng của nền nông nghiệp lên hoạt động kinh tế nói chung của đất nước, và khả năng thu ngân sách của chính quyền. Phan Huy Chú ghi lại trong *Lịch triều hiến chương loại chí*: “Lê Thánh Tông năm thứ 4 (1472) lập sở đồn điền. Xuông chiếu rằng: “Việc đặt đồn điền là cốt để hết sức vào việc nông, thêm của chữa cho nhà nước”. Năm thứ 17 (1486) định lệ dựng cột mốc giới các ruộng đất công tư. Lê Huyền Tông, năm Cảnh Trị thứ nhất (1663) sai quan kinh đến hai xứ Thanh - Nghệ bắt những trang trại mới lập đặt làm xã thôn”<sup>10</sup>.

Như vậy, sự khuếch tán làng xã cũng đã góp phần mở rộng không gian văn hóa - chính trị của nước Việt và gia tăng ảnh hưởng lên những vùng đất mới, chưa định hình, hay chính là nội dung căn bản của công việc mở mang bờ cõi.

\*

\* \*

Quay nhanh thước phim về hiện tại, hệ thống làng xã nông

---

<sup>9</sup>Tình khép kín, hệ thống kinh tế khá độc lập và hệ thống tập tục riêng, sau phát triển thành hương ước, khiến thể chế phong kiến có lúc coi làng xã là “tiểu triều đình”. Việc đưa các giáo lý có khác biệt vào hệ thống này không hề dễ dàng. *Sđd* [133]: 17-19.

<sup>10</sup>Xem [21]: 187.



thôn trong suốt thời kỳ từ đầu thập niên 90 (thế kỷ XX) đến nay là nguồn cung cấp lao động cho hai quá trình căn bản: a) Phát triển công nghiệp đô thị (và đô thị vệ tinh); b) Khởi nghiệp của khu vực phi nhà nước, cả ở vùng nông thôn lẫn đô thị. Trong các yếu tố cổ điển của đầu vào hệ thống kinh tế quốc gia, nhân lực và đất đai phần lớn nằm ở hệ thống làng xã nông thôn, cho dù quá trình đô thị hóa đã phần nào sắp xếp lại cơ cấu các nguồn lực này.

Đặc trưng nông thôn và phương thức sản xuất - kinh doanh vẫn gắn bó với hoạt động nông nghiệp, cụ thể là một tỷ trọng lớn của lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi trong cơ cấu ngành kinh tế. Mặc dù xuất hiện những áp lực cả từ thực tiễn lẫn ý chí chủ quan đối với cái gọi là “chuyển dịch cơ cấu kinh tế” ở nông thôn, nhưng thực hư hiệu quả và sự tương thích của chương trình đó với hệ sinh thái xã hội làng xã chưa thể đã kết luận, kể cả là sau hàng chục năm thử nghiệm. Lý do rất đơn giản: hệ thống tồn tại hàng ngàn năm ấy không dễ gì “chuyển dịch” sau vài thập niên.

Hoạt động kinh tế đơn sơ được mô tả qua bức tranh sơn dầu (xem Hình 1.2) phản ánh một thực tế là làng xã vẫn đang ảnh hưởng rất sâu sắc tới cư dân của những thành phố lớn như Hà Nội. Hoạt động này cơ bản vẫn không có gì đổi khác (trừ phương tiện vật chất) so với hàng nghìn năm trước đây.

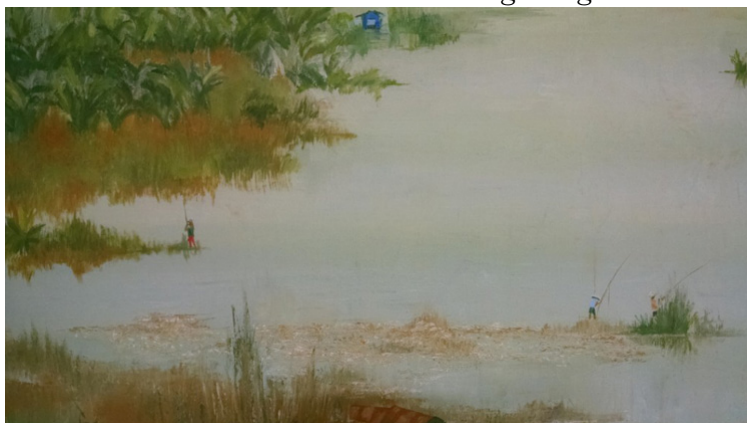
Năm 2003, nghiên cứu của Van de Walle và Cratty, do Ngân hàng Thế giới công bố, cho biết: việc thúc đẩy tham gia hệ thống kinh tế phi nông nghiệp ở khu vực nông thôn có thể là con đường thoát nghèo cho một số hộ nhất định, nhưng chắc chắn không phải là cho tất cả<sup>11</sup>.

Trên thực tế, lịch sử cho thấy ngoài vai trò thúc đẩy sinh kế của nhân dân, sự ổn định và phát triển công việc của làng xã còn tạo ra phương tiện tài chính, của cải cho các chính phủ. Điều này đã được các chính thể của Việt Nam đúc kết từ hình

---

<sup>11</sup>Xem [147].

Hình 1.2: Câu cá ven sông Hồng



Tranh sơn dầu; © 2014 Bùi Quang Khiêm

thái xã hội nô lệ, qua phong kiến, đến hiện đại. Đoạn trích của Phan Huy Chú dưới đây ưu tư về sự bất ổn định sinh kế làng xóm dưới thời Lê - Trịnh vừa ngắn gọn, vừa rõ ràng<sup>12</sup>:

*“Làng xóm nào động, dồn lại lâu năm, việc chi dùng của nhà nước cũng vì thế mà thiếu hụt”.*

Vật chứng mố cá của chúng ta hẳn ghi tâm những thực tế xã hội ấy, và còn đóng vai vật duy trì trật tự trong hội họp giải quyết *việc làng* vào những thời khắc quan trọng.

Rõ ràng, hàng nghìn trang giấy cũng không đủ để chứng minh hết được tầm quan trọng, mức độ ảnh hưởng sâu rộng và khả năng đóng góp vào quá trình tương lai của hệ thống làng xã đã và đang tồn tại trong nền kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, thông tin ngắn vừa đề cập ở trên cũng đủ để chỉ ra cội nguồn sức sống dân tộc Việt Nam và hành trình dài biến đổi không thể vắng bóng hệ thống làng xã. Sự tồn tại của hệ thống ấy là một dạng *cân bằng xã hội*, hình thành một cách tự nhiên, theo những quy

---

<sup>12</sup>Sdd [21]: 223.

luật cần được tôn trọng. Chúng ta sẽ nghiên cứu dần những nội dung đó trong các phần thảo luận về sau.

### 1.3 1075

Khi thế giới đã bước vào thế kỷ XXI, tích lũy tri thức và quá trình học tập liên tục, suốt đời đã trở thành một phương châm hành động của mọi xã hội, cho dù khả năng thực thi và bối cảnh chính trị, xã hội, trình độ phát triển rất khác biệt.

Quá trình học tập bao trùm và đóng vai trò nguồn gốc quan trọng của tri thức từ rất sớm. Theo quan điểm *lịch sử lớn*, nó đã xảy ra rất rất lâu trước khi ý thức học tập, lĩnh hội và chủ động tổ chức hình thành<sup>13</sup>. Sự học tập (theo nghĩa rộng) ban đầu với thế giới sinh vật, ở quy mô phân tử - tế bào không nhằm mục tiêu nào khác ngoài duy trì những quá trình cơ bản của sự sống: tích lũy đủ lượng vật chất và năng lượng, bên cạnh đó duy trì trạng thái phức tạp vượt trội của cấu trúc sinh vật (so với thế giới vô cơ)<sup>14</sup>. Phép tương tự cũng cho thấy tác dụng tương đương giữa tiến hóa của thế giới sinh vật và xã hội loài người.

Trước hết, tầm quan trọng của sự hình thành ý niệm về tri thức và giáo dục của loài người được thừa nhận trên quy mô rộng lớn, trở thành chính sách có ảnh hưởng lớn bậc nhất trong hầu như tất cả các xã hội. Mục tiêu cải thiện mặt bằng nhận thức và quyền được thụ hưởng giáo dục của từng công dân thuộc nhóm mục tiêu cơ bản và quan trọng nhất của các quốc gia.

Tuy nhiên, cách hiểu về hệ thống giáo dục và các chuẩn mực tri thức (bao gồm cả khoa học, lịch sử, nghệ thuật, nhân văn) hiện nay đã trở nên rất phức tạp. Thực tế này khiến cho số đông có thể quên đi rằng, giáo dục và tri thức có nguồn gốc

---

<sup>13</sup>Spier cho rằng, nguồn gốc sớm thậm chí bắt nguồn trong sự xuất hiện cấu trúc thông tin bên trong các phân tử cấu tạo nên tế bào, được lưu giữ và truyền lại cho các thế hệ sau, xem [126]: 77-79.

<sup>14</sup>*Sdd* [126]: 83.

rất tự nhiên từ quá trình cải thiện kỹ năng sống còn, truyền thụ trí khôn xuyên thế hệ, tăng hiệu quả của hợp tác và cạnh tranh cộng đồng, từ thời kỳ phôi thai của loài người. Giáo dục ở dạng sơ khai xuất hiện cách đây khoảng 1,8 triệu năm. Hành vi bất chước mang tính chất “học tập xã hội” xuất hiện rất sớm trong cộng đồng nguyên thủy, khoảng 400.000 năm trước<sup>15</sup>.

Món quà kỳ diệu mà bộ óc 1,2 kg mang lại cho người nguyên thủy chính là khả năng nhận thức từ học tập xã hội trước khi ngôn ngữ ra đời. Chỉ bằng việc hiểu cách diễn đạt cử chỉ, điệu bộ, và bất chước, diễn tả nét mặt, lặp lại âm thanh, cử chỉ,... xã hội dạng cộng đồng nhỏ đã có thể hình thành phương thức (có người gọi là chiến lược) tồn tại nhờ đặc trưng căn bản là khả năng hợp tác và điều phối các cá thể. Kiểu học tập sơ khai này, theo bằng chứng khảo cổ, đại diện cho bước tiến tư duy cực lớn, cho phép hình thành những ý niệm như: chủ đích, sáng tạo, so sánh đối chiếu và sự tiếp biến văn hóa trong số những thành viên trẻ của cộng đồng. Đặc biệt nhất trong số các bằng chứng mà giới nghiên cứu nhân chủng học thu được là những thành phần và chức năng cơ bản của năng lực sư phạm!

Phương pháp học tập rất tự nhiên là hiện thân của một trong những thay đổi lớn của nhân loại thuở sơ khai, hay như Watson gọi là một phát kiến lớn. Nhờ phát kiến này mà những bộ óc có trí khôn - khởi đầu là cô lập, tự thân - thoát ra khỏi sự biệt lập mang tính cá thể. Trước khi có thay đổi lớn này, những sinh vật cao cấp nhất như người nguyên thủy không có cách gì chia sẻ ý tưởng và suy nghĩ. Từng cá thể học tập được những gì cần cho riêng mình, và chỉ vậy. Như thế, từng thế hệ lại phải bắt đầu như mới vì khi thế hệ trước chết đi, họ mang theo cả trí khôn tích lũy suốt đời sang thế giới bên kia, khóa chặt những gì họ học tập được trong màn đêm bí ẩn. Nhưng bằng chứng lịch sử cũng cho biết sự thật: bất chước cũng không dễ. Mất gần nửa

---

<sup>15</sup>Nhà sử học Watson chỉ ra hành vi bất chước trong cộng đồng nhỏ, nhờ quan sát và lặp lại hành vi, đặc trưng cho quá trình học tập sơ khởi, khi ngôn ngữ chưa hình thành; xem [161]: 30-31.

triệu năm loài người nói chung mới thực sự có khả năng chế ngự lửa trở thành một phần không tách rời của đời sống.

Có khá nhiều hiểu biết lý thú xoay quanh những kiến thức không mấy xa lạ về công cụ đồ đá. Trong khoảng hàng triệu năm, mức độ tiến hóa (tinh vi và thuận lợi cho sử dụng) của công cụ đồ đá nói chung rất chậm chạp<sup>16</sup>. Tới một thời điểm, khoảng 40.000-10.000 năm trước, kết quả học tập bắt đầu đơm hoa kết trái, và dẫn đến một số thay đổi (sáng tạo) lớn. *Thứ nhất*, công cụ đồ đá rẽ nhánh, mang hình dáng phản ánh một số nguyên mẫu, có xu hướng chuẩn hóa, tuân thủ một số quy chuẩn hình thái học. *Tiếp đến*, tính bất cấu trúc (dễ hiểu là tùy tiện) được thay thế dần bằng tính cấu trúc cao, thậm chí chính xác, ví dụ những đồ tạo tác hình chữ nhật. Những thay đổi này dẫn đến kết luận khoa học quan trọng: a) Quá trình giáo dục, học tập, lĩnh hội... trong cộng đồng đã có những bước tiến lớn; b) Ý niệm ngày càng rõ rệt và phổ biến hơn - trong một bộ phận ưu tú của cộng đồng người cổ xưa - về những thứ ngày nay chúng ta gọi là lên kế hoạch dài hạn, hành vi có tính chiến lược, và đặc biệt là ý niệm về tương lai; và c) Sự ra đời của ngôn ngữ, ít nhất ở dạng thức sơ khai, và mức độ tăng đáng kể của hiệu quả truyền đạt.

Hẳn các bạn đang tự hỏi, những thảo luận trên liên quan gì tới 1075, và suy rộng ra thì có ý nghĩa gì với chủ đề về nguồn gốc mạch sông nước Việt?

1075 là năm mà lần đầu tiên đất Việt có một khoa thi chính thức, mang tầm quốc gia, phục vụ mục đích tôn vinh học tập, đề cao tri thức, và bổ nhiệm chức vụ quan trọng cho giới khoa bảng. Đó là kỳ thi Nho học đầu tiên. Người đỗ đầu là Lê Văn Thịnh, sau này giữ chức cao nhất là Thái sư nhà Lý. Tinh thần học tập và mong muốn xây dựng đất nước chắc chắn tồn

---

<sup>16</sup>Điểm bắt đầu của công cụ đồ đá xa tới mức khoảng 1,8 triệu năm trước. Tới giai đoạn công cụ đồ đá tiếp theo, mức độ tinh vi cũng tiến bộ rất chậm, nhưng sáng tạo có thể quan sát được rõ rệt, cách ngày nay khoảng 400.000-200.000 năm. Quá trình tiêu chuẩn hóa kích thước, công năng cũng như cách thức chế tạo có bằng chứng.

tại trước năm 1075, có thể đã rất lâu, thậm chí còn trước cả thời kỳ Sĩ Nhiếp đưa việc học tập và giới thiệu tinh thần Nho học vào Việt Nam. Thế nhưng, nói cho công bằng, việc biến tinh thần ấy trở thành một hệ thống, triển khai theo phương pháp, và truyền đạt bằng ngôn ngữ thống nhất, thì phải đợi đến đạo dụ của Lý Thánh Tông mới khởi sự được (Văn Miếu xây dựng năm 1070), và phải đến người kế nghiệp, Lý Nhân Tông mới đơm hoa kết trái (Quốc Tử Giám được xây dựng theo lệnh của Lý Nhân Tông). Sự kiện khoa thi của Lê Văn Thịnh lột tả rõ khao khát của một quốc gia muốn đọc chữ, viết sử, làm thơ, truyền đời kiến thức, hệ thống hóa quá trình học tập và tìm kiếm hiền tài.

Như vậy, năm 1075 đem lại bằng chứng của sự sống và mạch nguồn hiểu theo một cách khác, bổ sung đầy đủ hơn lý lẽ của người Việt Nam về khái niệm sống: chứa đựng cả tri thức, chữ viết, văn học, nghệ thuật... những thứ chỉ có thể đạt đến chất lượng cao và tìm thấy sức sống nhờ quá trình học tập và lĩnh hội có phương pháp. Sự kiện đó khởi nguồn cho nền khoa cử của Việt Nam. Mạch nguồn khoa bảng bắt đầu chảy mạnh mẽ; và Quốc Tử Giám ra đời ngay năm tiếp theo, năm 1076, đóng vai trò trường học quý tộc. Ý niệm căn bản của giáo dục chính là xây dựng đất nước thịnh vượng, bền vững, và liên quan một cách tự nhiên tới nhận thức về tương lai.

Có thể khẳng định rằng, Văn miếu Quốc Tử Giám ra đời trước tiên và trên hết nhằm đáp ứng nhu cầu về tri thức và kỹ năng cho hậu duệ giới quý tộc triều đình, có tác động rất lớn đến tâm lý xã hội và mở đường cho nhận thức về giá trị của giáo dục. Cả một con đường - cho dù nhiều chông gai và tỷ lệ thành công thấp - được mở ra với những người dân thường, qua một hệ thống không quá khó hiểu với số đông: con đường khoa cử. Vị thế xã hội của gia đình có cơ hội được thay đổi và tiếp tục bước cao hơn trong thang bậc chính trị. Dù khe cửa hẹp và đường đến đó còn nhiều khó khăn, nhưng ít nhất nó cũng tồn tại.

Đứng trước cơ hội mới đó, mỗi người hay mỗi gia đình hẳn

đã đặt ra những mục tiêu và triết lý học tập cụ thể cho mình. Việc này đến nay vẫn đúng, mặc dù cơ hội học tập đa dạng, dễ tiếp cận hơn rất nhiều, và ở đủ thang bậc chất lượng, uy tín, cao thấp khác nhau. Rốt cuộc, những bản khoản cân nhắc ấy suy đến cùng cũng chỉ nhằm quyết định con đường sống cho bản thân. Quá trình quyết định dẫn thân cho con đường học tập và tìm kiếm tri thức tự nó phản ánh sự phong phú của đời sống cá nhân, xã hội, thông qua phép phóng chiếu sự tiếp nối nhận thức từ những thời kỳ sơ khai (ngay cả khi ngôn ngữ chưa ra đời) vào những kỷ nguyên xa hơn, khó đoán định hơn và phức tạp hơn. Điều đó không hề đơn giản, và dường như tiếp tục gia tăng độ phức tạp vào thập niên thứ 2 của thế kỷ XXI, mà theo Lucy Marcus là giới trí thức tinh hoa cần “chuẩn bị đương đầu với những ẩn số mới vẫn đang còn là ẩn số”<sup>17</sup>.

Mặt khác, chính sự phong phú, đa dạng đã dẫn đến sự đan xen phức tạp của đời sống kinh tế - xã hội mở rộng. Thương mại gia tăng và đô thị hình thành cùng với không gian sống mới, trong đó, sự phụ thuộc lẫn nhau tăng lên, tác động mạnh đến quyết định học tập của xã hội. Sự cạnh tranh sinh tồn trong không gian hẹp hơn khiến quá trình chọn lọc/thích nghi khốc liệt và gấp gáp hơn. Phần thưởng có thể lớn hơn cho người chiến thắng trong cuộc đấu xã hội. Nhưng tổn thất cũng nặng nề hơn cho người thua khi chi phí để bước vào cuộc cạnh tranh tăng lên. Miller gọi điều này là “quyền được lựa chọn ngu dốt”<sup>18</sup>. Khoảng

---

<sup>17</sup>Lucy Marcus trong bài chơi chữ “ẩn số ẩn số” để nhấn mạnh mức độ thách thức của việc sẽ phải chấp nhận giải quyết bài toán lớn hơn cả những ẩn số hiện đang tồn tại, vẫn chưa giải được, với những bài toán mà trong đó ẩn số chưa biết sẽ có hình thù gì, xem [82].

<sup>18</sup>Trong [86], Miller trình bày sự thật hiểu biết yếu kém đến kinh ngạc trong lĩnh vực chính sách khoa học của những người nhân danh khoa học lãnh đạo các phong trào chống lại ứng dụng khoa học mới. Cụ thể ông đưa ra ví dụ một thủ lĩnh dẫn đầu hàng nghìn người biểu tình chống phương pháp sinh học giúp dập tắt dịch sốt xuất huyết gây tử vong tăng cao. Họ sử dụng luận điểm chính là khẳng khái “lo lắng” tác hại cho xã hội khi bị muỗi đực đốt! Học sinh tiểu học ở Việt Nam cũng đủ kiến thức để biết chỉ có muỗi cái mới đốt.

cách này càng làm tăng mối lo về bất bình đẳng thu nhập xã hội, bất bình đẳng về khả năng tiếp cận sinh kế, và bây giờ, một vấn đề được đề cập đến nhiều nhất, sâu nhất và cay đắng nhất: bất bình đẳng về cơ hội học tập, và thậm chí giữa các trung tâm giáo dục có đẳng cấp và năng lực toàn cầu<sup>19</sup>.

Một cách tự nhiên, hệ quả sinh ra là giáo dục/nền tảng tri thức tác động gây biến đổi cả phương thức sống của cộng đồng, cũng như cách mà các kết cấu hợp thành tương tác với nhau. Một chút kết nối với ý niệm “làng” ở đây là “làng đô thị” theo cách hiểu phương Tây giữa kỷ nguyên số hóa và toàn cầu hóa. Ý nghĩa làng đô thị ấy nằm ở chỗ sinh kế nó tạo ra quá phong phú, và phần thưởng đã lớn lại đa dạng, bất ngờ. Tuy vậy, quá trình kết nối trật tự và tác động văn hóa lẫn nhau trong nhóm liên hệ gần gũi, khả tín lại tăng lên mạnh hơn bao giờ hết. Loại “làng” ấy sinh ra ngày càng nhiều hơn, và đem lại một kiểu không gian sinh tồn con - chứa các giá trị và tập tục tồn tại tương đối độc lập - trong một không gian quá phức tạp của tổng thể đô thị. Nó bắt buộc quá trình học tập, trau dồi tri thức phải liên tục, sâu sắc, sáng tạo và hiệu quả hơn<sup>20</sup>.

Với ý nghĩa sinh ra hệ thống giáo dục và mở đường cổ vũ tri thức, năm 1075 mang hình tượng của sự khởi đầu của một mạch sống mới: nước Việt Nam hướng đến chủ động kiểm soát tri thức, hiểu biết, chủ động nghĩ về con đường sống tương lai của chính mình. Thực tế này giúp làm giảm sự lệ thuộc về tư

---

<sup>19</sup>Melissa Korn bắt đầu bài báo trên WSJ với kết luận: “Khoảng cách bất công tài sản trong lĩnh vực giáo dục đang gia tăng - không chỉ giữa những người có và không có bằng đại học, mà cả giữa các trường đại học với nhau.” 40 trường đại học hàng đầu nước Mỹ nhận được ngày càng nhiều tiền, quà tặng, đầu tư... Riêng 10 trường giàu nhất chiếm tới 1/3 tổng đầu tư và dòng tiền, và 40 trường giàu nhất chiếm tới 2/3 tổng số. Moody tiến hành nghiên cứu trên mẫu 500 trường công và tư của Mỹ. 40 trường này có mức trung vị tiền mặt 6,3 tỷ USD, trong khi thống kê này của số còn lại là 273 triệu USD (Mức chênh lệch lên tới 23 lần). [68].

<sup>20</sup>Tác giả của khái niệm này, Ratti và Claudel bàn trong [111], lấy ví dụ nhân vật lịch sử Frank Sinatra với quyết định rời Hoboken (New Jersey) đến New York để tìm thấy Rat Pack cho cuộc đời lừng lẫy của riêng mình.



tưởng vào các nhà Nho và điển cố Nho học Trung Quốc, một cách từ từ, nhưng rõ ràng là có tác dụng tích cực.

Cột mốc quan trọng ấy của sử sách đất nước được danh nhân Phan Huy Chú ghi lại giản lược như sau<sup>21</sup>:

*“Lý Nhân Tông, năm Thái Ninh thứ 4 (1075), tháng 2, hạ chiếu chọn những người giỏi kinh học rộng và thi Nho học ba trường”.*

Về sau, ý chí người Việt Nam xây dựng con đường riêng của nền học vấn đất nước, sinh kế của kẻ sĩ trong xã hội độc lập - tự chủ ngày càng rõ hơn.

*“Năm Quảng Hựu thứ 2 (1086), tháng 8, thi những người có văn học trong nước bổ vào làm quan tại viện Hàn lâm”.*

*“Cao Tông, năm Trinh Phù thứ 10 (1185), thi học trò trong nước từ 15 tuổi trở lên, ai thông Kinh Thi Kinh Thư thì được vào hầu ngự diên”.*

Sự tự chủ nền học vấn khoa cử thời Lý cũng dẫn đến một hệ quả tái củng cố ý muốn độc lập hệ tư tưởng dân tộc trong văn chương nói riêng và chữ viết dân tộc nói chung trong thế kỷ XI: hoàn chỉnh dần chữ Nôm. Một trong những cách thực dụng là mượn bộ chữ Hán và sáng chế, ghép bộ để đọc ra là âm Việt, mà không cần phiên qua âm Hán. Do đó, tính tự chủ và khả năng phản ánh tâm lý, sinh hoạt xã hội Việt Nam phong phú và sinh động hơn, củng cố tinh thần dân tộc. Sang đến đời Trần Nhân Tông (1279-1293) lại tiếp tục phát triển lên một bước nữa nhờ quan Hình bộ Thượng thư Nguyễn Thuyên nghiên ngẫm sử dụng chữ Nôm để làm thơ. Ông còn đặt ra luật thơ riêng theo cách của người Việt, tạo cảm hứng cho nhiều kẻ sĩ học theo<sup>22</sup>.

---

<sup>21</sup>Những phần trích lược tiếp theo thuộc về triều Lý, đều từ một nguồn; *Sdd* [21]: 14-17.

<sup>22</sup>*Sdd* [65]: 138.

# Tài liệu tham khảo

- [1] Đề cương giới thiệu luật giao thông đường thủy nội địa. *VIBonline*, 2007. <http://vibonline.com.vn/Phobienphapluat/1728/LUAT-GIAO-THONG-DUONG-THUY-NOI-DIA.aspx>.
- [2] Bá Đò. Thu hồi ô tô, xe máy thải loại từ năm 2018. *VNExpress*, 2015. <http://vnexpress.net/tin-tuc/thoi-su/thu-hoi-oto-xe-may-thai-loai-tu-nam-2018-3224576.html>.
- [3] Philippe Aghion and Peter Howitt. *The economics of growth*. MIT Press, Boston, MA, 2009.
- [4] Snir Ainit, Dani Nadel, Iris Groman-Yaroslavski, Yoel Melamed, Marcelo Sternberg, Ofer Bar-Yosef, and Ehud Weiss. The origin of cultivation and proto-weeds, long before Neolithic farming. *PLOS ONE*, 10(7):e0131422, 2015.
- [5] Bruce Alberts, Ralph J. Cicerone, Stephen E. Fienberg, Alexander Kamb, Marcia McNutt, Robert M. Nerem, Randy Schekman, Richard Shiffrin, Victoria Stodden, Subra Suresh, Maria T. Zuber, Barbara Kline Pope, and Kathleen Hall Jamieson. Scientific integrity: self-correction in science at work. *Science*, 348(6242):1420–1422, 2015.
- [6] Robert C. Allen. *Global economic history: a very short introduction*. Oxford University Press, New York, NY, 2011.
- [7] Ngân Anh. Văn hóa công bố quốc tế đã được thiết lập. *Vietnamnet*, 2015. <http://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/244237/van-hoa-cong-bo-quoc-te-da-duoc-thiet-lap.html>.
- [8] Joyce Oldham Appleby. *The relentless revolution: a history of capitalism*. W.W. Norton, New York, NY, 2010.

- [9] Jim Austin. Playing a new tune. *Science*, 345(6199):974, 2014.
- [10] Cyrille Barrette. *Mystère sans magie: science, doute et vérité: notre seul espoir pour l'avenir*. Éditions MultiMondes, Québec, Canada, 2006.
- [11] Quốc Bình. Bí thư Thành ủy Phạm Quang Nghị: Văn hóa cần được đầu tư tương xứng. *Hà Nội Mới*, 2015. <http://hanoimoi.com.vn/Tin-tuc/Chinh-tri/747308/bi-thu-thanh-uy-pham-quang-nghi-van-hoa-can-duoc-dau-tu-tuong-xung>.
- [12] R Bonduriansky. Rethinking heredity, again. *Trends in Ecology & Evolution*, 27(6):330–336, 2012. DOI:10.1016/j.tree.2012.02.003.
- [13] Volker Bornschier. *Culture and politics in economic development*. Routledge, New York, NY, 2005.
- [14] Nick Bos, Liselotte Sundström, Siiri Fuchs, and Dalial Freitak. Ants medicate to fight disease. *Evolution: International Journal of Organic Evolution*, Article-in-Press, 2015. DOI:10.1111/evo.12752.
- [15] Michael J. Boskin. Are the good times over? *Project Syndicate*, 2015. <http://www.project-syndicate.org/commentary/global-economy-growth-prospects-by-michael-boskin-2015-04>.
- [16] Nicholas JL Brown, Alan D. Sokal, and Harris L. Friedman. The complex dynamics of wishful thinking: the critical positivity ratio. *American Psychologist*, 68(9):801–813, 2013. DOI:10.1037/a0032850.
- [17] Roman Bucher, Hellena Binz, Florian Menzel, and Martin H. Entling. Spider cues stimulate feeding, weight gain and survival of crickets. *Ecological Entomology*, 39(6):667–673, 2014. DOI: 10.1111/een.12131.
- [18] John Burrows. *Classical music*. Dorling Kindersley, London, UK, 2005.
- [19] Phạm Hồng Cư. Cuộc gặp gỡ đặc biệt và câu nói bất hủ của bác Hồ. *VietnamNet*, 22-9-2014. <http://vietnamnet.vn/>.

- [20] John T. Cacioppo and Stephanie Cacioppo. Social relationships and health: the toxic effects of perceived social isolation. *Social and Personality Psychology Compass*, 8(2):58–72, 2014.
- [21] Phan Huy Chú. *Lịch triều hiến chương loại chí*. Nxb Trẻ, Thành phố Hồ Chí Minh, 2014[1810-1819].
- [22] Bạch Ngọc Chiến. 2% khác biệt: quá nhiều và quá ít. *Kinh tế và Dự báo*, 48(20/604):12–14, 2015. ISSN:0866-7120.
- [23] Charles Q. Choi. Asia’s rapidly shrinking glaciers could fuel future conflicts. *NBC News*, 2015. <http://www.nbcnews.com/science/environment/asias-rapidly-shrinking-glaciers-could-fuel-future-conflicts-n411371>.
- [24] Mo Costandi. Yoshiki sasai: a tribute to an outstanding scientist. *The Guardian*, 2014.
- [25] S.G. Damle. Curiosity: the greatest virtue of man? *Contemporary Clinical Dentistry*, 5(2):147–148, 2014. DOI:10.4103/0976-237X.132299.
- [26] Jared Diamond. *Collapse: how societies choose to fail or succeed*. Viking Penguin, New York, NY, 2005.
- [27] Jared Diamond. *The rise and fall of the third chimpanzee*. Random House, London, UK, 2013.
- [28] Jared Diamond. Reversals of national fortune, and social science methodologies. *PNAS*, 111(50):17709–17714, 2014. DOI: 10.1073/pnas.1415280111.
- [29] James S. Duesenberry. *Business cycles and economic growth*. McGraw-Hill, New York, NY, 1958.
- [30] Nguyen Xuan Dung, Do Tat Loi, Do Tat Hung, and Piet A. Leclercq. Chemical composition of the oil of *Blumea lanceolaria* (roxb.) Druce from Vietnam. *Journal of Essential Oil Research*, 3(4):285–286, 1991.
- [31] Editor. Xung quanh khái niệm “khoa học gia”. *Opeconomica*, 2015. <https://opeconomica.wordpress.com/2015/05/23/khoa-hoc-gia/>.
- [32] Editorials. Hope from the pope. *Nature*, 522:391, 2015.

- [33] EIC. Monument to Ernest Solvay. *Nature*, 130(3287):657, 1932. DOI:10.1038/130657c0.
- [34] Robert Eskridge. The enduring relationship of science and art. *The Art Institute of Chicago*, 2003. <http://www.artic.edu/aic/education/sciarttech/2a1.html>.
- [35] Richard A. Falk. *The declining world order*. Routledge, New York, NY, 2004.
- [36] Michael Faraday. Note on regelation. *Proceedings of the Royal Society of London*, 10:440–450, 1860.
- [37] Michael Faraday. *Faraday's diary of experimental investigation, Vol. 7*. HR Direct, Riverton, UT, 2008.
- [38] Ronald Findlay and Kevin H. O'Rourke. *Power and plenty: trade, war, and the world economy in the second millennium*. Princeton University Press, Princeton, NJ, 2007.
- [39] Amy Finkelstein and Sarah Taubman. Randomize evaluations to improve health care delivery. *Science*, 347(6223):720–722, 2015.
- [40] Brett Forrest. Searching for Grigori Perelman, Russia's reclusive maths genius. *The Telegraph*, 2012. <http://www.telegraph.co.uk/culture/9475585/Searching-for-Grigori-Perelman-Russias-reclusive-maths-genius.html>.
- [41] Barbara L. Fredrickson and Marcial F. Losada. Positive affect and the complex dynamics of human flourishing. *American Psychologist*, 60(7):678–686, 2005. DOI:10.1037/0003-066X.60.7.678.
- [42] Bruno S. Frey and Reto Cueni. Why invest in art? *The Economists' Voice*, 10(1):1–6, 2013.
- [43] Milton Friedman and Rose Friedman. *Free to choose: a personal statement*. Harcourt Brace Jovanovich, New York, NY, 1980.
- [44] Eugene Garfield. Art and Science. part 1. the Art-Science connection. *Essays of an Information Scientist: Creativity, Delayed Recognition, and other Essays*, 12(8):54–61, 1989.
- [45] Stephen Gaukroger. *The emergence of a scientific culture: science and the shaping of modernity, 1210-1685*. Oxford University Press, New York, NY, 2006.

- [46] Robert M. Grant. The theory of resource-based competitive advantage. In Michael H. Zack, editor, *Knowledge and strategy*, pages 3–23. Butterworth-Heinemann, 1999.
- [47] Nell Greenfieldboyce. Missing link microbes may help explain how single cells became us. *National Public Radio*, May 06, 2015. <https://knpr.org/>.
- [48] Avner Greif. Cultural beliefs and the organization of society: a historical and theoretical reflection on collectivist and individualist societies. *Journal of Political Economy*, 102(5):912–950, 1994.
- [49] Thúy Hà. WB: GDP 6 tháng của Việt Nam tăng cao nhất trong vòng 5 năm qua. *VietnamPlus*, 2015. <http://www.vietnamplus.vn/wb-gdp-6-thang-cua-viet-nam-tang-cao-nhat-trong-vong-5-nam-qua/333594.vnp>.
- [50] Luong Minh Ha, Do Thu Hang, and Vuong Thu Trang. Short on ideas. *Vietnam Economic Times*, 24(10/260):16–17, 2015.
- [51] Lawrence E. Harrison and Samuel P. Huntington. *Culture matters: how values shape human progress*. Basic Books, New York, NY, 2000.
- [52] Werner Heisenberg. Positivism, metaphysics and religion. In Ruth Nanda Nanshen, editor, *Werner Heisenberg - Physics and Beyond - Encounters and Conversations*, page 213. Harper and Row, 1971.
- [53] Karoline Heslop. Natalia Karp: pianist whose talent helped her survive the concentration camp. *The Guardian*, 2007. Jul. 11; Obituary.
- [54] Kensei Hiwaki. *Culture and economics in the global community: a framework for socioeconomic development*. Gower, Burlington, VT, 2014.
- [55] Kimberley J. Hockings, Nicola Bryson-Morrison, Susana Carvalho, Michiko Fujisawa, Tatyana Humle, William C. McGrew, Miho Nakamura, Gaku Ohashi, Yumi Yamanashi, Gen Yamakoshi, and Tetsuro Matsuzawa. Tools to tipple: ethanol ingestion by wild chimpanzees using leaf-sponges. *Royal Society Open Science*, 2:150150, 2015. DOI: 10.1098/rsos.150150.

- [56] A. N. Hodge. *The history of art: painting from Giotto to the present day*. Arcturus Publishing, London, UK, 2008.
- [57] Jascha Hoffman. Grigori Perelman's beautiful mind. *The New York Times*, 2009. <http://www.nytimes.com/2009/12/13/books/review/Hoffman-t.html>.
- [58] Nguyễn Minh Hoàng, Tần Viên Sơn Thánh 'ông tổ họ Nguyễn Việt Nam'. *Tạp chí điện tử Văn Hiến*, 17-02-2015. <http://vanhien.vn/>.
- [59] Lawrence E. Hunter. *The processes of life: an introduction to molecular biology*. The MIT Press, Cambridge, MA, 2009.
- [60] Samuel P. Huntington. The clash of civilizations? *Foreign Affairs*, 72(3):22-49, 1993.
- [61] Howard Husock. Making the Giving Pledge global takes more than money. *Philanthropy*, 2015. <https://philanthropy.com/article/Opinion-Making-the-Giving/232139>.
- [62] International Solvay Institutes. Conseil de physique Solvay. *Official web page*, 2015. <http://www.solvayinstitutes.be/>.
- [63] Sarah Kaplan. The mysterious 2 billion-year-old creature that would make darwin smile. *The Washington Post*, 2015.
- [64] Qing Ke, Emilio Ferrara, Filippo Radicchi, and Alessandro Flammini. Defining and identifying Sleeping Beauties in science. *PNAS*, 112(24):7426-7431, 2015. DOI: 10.1073/pnas.1424329112.
- [65] Trần Trọng Kim. *Việt Nam Sử Lược*. Nxb Thời Đại, Hà Nội, 2010[1921].
- [66] Elizabeth Kolbert. *The sixth extinction: an unnatural history*. Henry Holt, New York, NY, 2014.
- [67] Kathelijne Koops and Carel P. van Schaik Elisabetta Visalberghi. The ecology of primate material culture. *Biology Letters*, 10(11):20140508, 2014. DOI:10.1098/rsbl.2014.0508.
- [68] Melissa Korn. For U.S. universities, the rich get richer faster. *Wall Street Journal*, Apr 16, 2015.

- [69] Paul Krugman. Nonlinearity, multiple equilibria, and the problem of too much fun. *New York Time*, 2015. <http://krugman.blogs.nytimes.com/2015/04/15/nonlinearity-multiple-equilibria-and-the-problem-of-too-much-fun-wonkish/>.
- [70] Editor La Libre. François Englert officiellement récompensé du Nobel de physique. *La Libre*, 2013. <http://www.lalibre.be/actu/planete/francois-englert-officiellement-recompense-du-nobel-de-physique>.
- [71] Scimago Lab. Scimago institutions ranking. *Scopus*, 2013. <http://www.scimagoir.com>.
- [72] Cyril Labbé and Dominique Labbé. Duplicate and fake publications in the scientific literature: how many SCI gen papers in computer science? *Scientometrics*, 94(1):379–396, 2014.
- [73] Quoc Minh Le, Thu Huong Tran, Thanh Huong Nguyen, Thi Khuyen Hoang, Thanh Binh Nguyen, Khanh Tung Do, Kim Anh Tran, Dang Hien Nguyen, Thi Luan Le, Thi Quy Nguyen, et al. Development of a fluorescent label tool based on lanthanide nanophosphors for viral biomedical application. *Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology*, 3(3):035003, 2012.
- [74] Đỗ Tất Lợi. *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*. Nxb Y học, Hà Nội, 2004.
- [75] Phan Linh. GS. Ngô Bảo Châu: “Đại học Việt Nam làm ngược với thế giới”. *VNExpress*, 2014. <http://vnexpress.net/tin-tuc/giao-duc/gs-ngo-bao-chau-dai-hoc-viet-nam-lam-nguoc-voi-the-gioi-3025200.html>.
- [76] Vương Linh. Dân số Việt Nam có gần 90,5 triệu người. *VNExpress*, 2014. <http://giadinh.vnexpress.net/tin-tuc/to-am/dan-so-viet-nam-co-gan-90-5-trieu-nguoi-3121884.html>.
- [77] David K. Lodge. Faith and science can find common ground. *Nature*, 523:503, 2015.
- [78] Emanuele Lodoloa and Zvi Ben-Avrahamb. A submerged monolith in the Sicilian Channel (central Mediterranean sea): evidence for Mesolithic human activity. *Journal of Archaeological Science: Reports*, 3:398–407, 2015. DOI:10.1016/j.jasrep.2015.07.003.



- [79] Lê Mỹ. Nguồn lực mới để giảm nợ công. *Diễn đàn doanh nghiệp*, 2015. <http://enternews.vn/nguon-luc-moi-de-giam-no-cong.html>.
- [80] John Maeda. Artists and scientists: More alike than different. *Scientific American*, 2013. <http://blogs.scientificamerican.com/guest-blog/artists-and-scientists-more-alike-than-different/>.
- [81] Charles C. Mann. How the potato changed the world. *Smithsonian Magazine*, 2011. <http://www.smithsonianmag.com/history/how-the-potato-changed-the-world-108470605/>.
- [82] Lucy P. Marcus. Preparing for the unknown unknowns. *Project Syndicate*, Jan 17, 2015.
- [83] Abraham H. Maslow. A theory of human motivation. *Psychological Review*, 50(4):370–396, 1943.
- [84] Marcia McNutt. The measures of research merit. *Science*, 346(6214):1155, 2014. 10.1126/science.aaa3796.
- [85] G. Tyler Miller and Scott E. Spoolman. *Environmental science*. Brooks/Cole, Belmont, CA, 2013.
- [86] Henry I. Miller. Ignoring the ignorant. *Project Syndicate*, Aug 16, 2013.
- [87] Joel Mokyr. The intellectual origins of modern economic growth. *The Journal of Economic History*, 65(2):285–251, 2005.
- [88] Joel Mokyr. Intellectuals and the rise of the modern economy. *Science*, 349(6244):141–142, 2015.
- [89] CNN Money. 10 more billionaires join Buffett-Gates Giving Pledge. *CNN*, 2015. <http://money.cnn.com/2015/06/02/news/companies/giving-pledge-billionaires-buffett-gates/>.
- [90] Nancy K. Napier and Vuong Quan Hoang. *What we see, why we worry, why we hope: Vietnam going forward*. Boise State CCI Press, Boise, ID, 2013.

- [91] Nancy K. Napier, Dang Le Nguyen Vu, and Quan Hoang Vuong. It takes two to tango: entrepreneurship and creativity in troubled times - Vietnam 2012. *Sociology Study*, 2(9):662–674, 2012. DOI:10.17265/2159-5526/2012.09.002.
- [92] Nguyễn Văn Đăng. Vài nét về ngành đóng thuyền theo kiểu phương Tây triều Minh Mạng. *Tạp chí Huế Xưa và Nay*, 11(56):58–63, 2003.
- [93] Tom Oder. Are honeybees in trouble or not? *Mother Nature Network*, 2015. <http://www.mnn.com/your-home/organic-farming-gardening/stories/are-honeybees-trouble-or-not>.
- [94] Web of Science. Belgian scientific productivity 2009-2013. *Research Analytics*, 2014. <http://researchanalytics.thomsonreuters.com/incites/>.
- [95] Shira Ovide and Daisuke Wakabayashi. Apple's share of smartphone industry's profits soars to 92%. *The Wall Street Journal*, 2015. <http://www.wsj.com/articles/apples-share-of-smartphone-industrys-profits-soars-to-92-1436727458>.
- [96] Jose Pagliery. Elon Musk and Stephen Hawking warn over 'killer robots'. *CNN Money*, 2015. <http://money.cnn.com/2015/07/28/technology/ai-weapons-robots-musk-hawking/>.
- [97] Elizabeth Pennisi. Tiny ant takes on pesticide industry. *Science*, 2015. DOI:10.1126/science.aad1690.
- [98] Edith Tilton Penrose. Biological analogies in the theory of the firm. *The American Economic Review*, 42(5):804–819, 1952. <http://www.jstor.org/stable/1812528>.
- [99] Edith Tilton Penrose. *The theory of the growth of firm*. Wiley, New York, NY, 1959.
- [100] Clint J. Perrya, Eirik Søvika, Mary R. Myerscoughd, and Andrew B. Barron. Rapid behavioral maturation accelerates failure of stressed honey bee colonies. *Proceedings of the National Academy of Sciences of the United States of America*, 112(11):3427–3432, 2015.
- [101] Panagiotis E. Petrakis. *Culture, growth, and economic policy*. Springer, Berlin, Germany, 2014.

- [102] Edmund S. Phelps. Evidence-based economics. *Project Syndicate*, 2006. [www.project-syndicate.org/commentary/evidence-based-economics](http://www.project-syndicate.org/commentary/evidence-based-economics).
- [103] Denis Charles Phillips. The good, the bad, and the ugly: the many faces of constructivism. *Educational Researcher*, 24(7):5-12, 1995.
- [104] Lê Phương. GS. Ngô Bảo Châu chỉ thẳng điểm tối nhất của giáo dục Việt Nam. *Dân Trí*, 2014. <http://dantri.com.vn/giao-duc-khuyen-hoc/gs-ngo-bao-chau-chi-thang-diem-toi-nhat-cua-giao-duc-viet-nam-1407402309.htm>.
- [105] Paul Polman and Lynn Forester de Rothschild. The capitalist threat to capitalism. *Project Syndicate*, 2014. 23-5-2014.
- [106] George Polya. *Mathematics and plausible reasoning. Volume I: Induction and analogy in mathematics*. Princeton University Press, Princeton, NJ, 1954.
- [107] George Polya. *How to solve it*. Princeton University Press, Princeton, NJ, 1957.
- [108] Karl Popper. *The logic of scientific discovery*. Unwin Hyman, London, UK, 1959.
- [109] Andy Pross. *What is life? How chemistry becomes biology*. Oxford University Press, Oxford, UK, 2012.
- [110] PV. Giáo sư Hoàng Tụy: Kỳ thi cho ta nhiều hy vọng. *Dân Trí*, 2015. <http://dantri.com.vn/su-kien/giao-su-hoang-tuy-ky-thi-cho-ta-nhieu-hy-vong-20150805072109818.htm>.
- [111] Carlo Ratti and Matthew Claudel. The urban village. *Project Syndicate*, Nov 4, 2014.
- [112] Alexandra S. Richey, Brian F. Thomas, Min Hui Lo, John T. Reager, James S. Famiglietti, Katalyn Voss, Sean Swenson, and Matthew Rodell. Quantifying renewable groundwater stress with GRACE. *Water Resources Research*, 2015. DOI:10.1002/2015WR017349.
- [113] Tania L. Roth, Farah D. Lubin, Adam J. Funk, and J. David Sweatt. Lasting epigenetic influence of early-life adversity on

- the BDNF gene. *Biological Psychiatry*, 65(9):760–769, 2009. DOI:10.1016/j.biopsych.2008.11.028.
- [114] Editorial RTÉ. Number of trees down 46% since human civilisation. *RTÉ*, 2015. <http://www.rte.ie/news/2015/0903/725317-trees/>.
- [115] John R. Schermerhorn Jr., James G. Hunt, Richard N. Osborn, and Mary Uhl-Bien. *Organizational behavior, 11th ed.* Wiley, Hoboken, NJ, 2010.
- [116] Bernard Schiele, Michel Amyot, and Claude Benoit. *When science becomes culture: world survey of scientific culture.* University of Ottawa Press, Ottawa, Canada, 1994.
- [117] J. William Schopf, Anatoliy B. Kudryavtsev, Malcolm R. Walter, Martin J. Van Kranendonk, Kenneth H. Williford, Reinhard Kozdon, John W. Valley, Victor A. Gallardo, Carola Espinoza, and David T. Flannery. Sulfur-cycling fossil bacteria from the 1.8-Ga Duck Creek Formation provide promising evidence of evolution's null hypothesis. *PNAS*, 112(7):2087–2092, 2015. DOI:10.1073/pnas.1419241112.
- [118] Erwin Schrödinger. *What is life? The physical aspect of the living cell.* Cambridge University Press, Cambridge, UK, 1946.
- [119] Joseph A. Schumpeter. *Capitalism, Socialism and Democracy.* Harper & Brothers, New York, NY, 1942.
- [120] Theo SGT. Tết Quý Ty hết tiền mua sắm vẫn mê bia. *Lao Động*, 2013. <http://laodong.com.vn/kinh-doanh/tet-quy-ty-het-tien-mua-sam-van-me-bia-100635.bld>.
- [121] Kavita R. Sharma, Brittany L. Enzmann, Yvonne Schmidt, Dani Moore, Graeme R. Jones, Jane Parker, Shelley L. Berger, Danny Reinberg, Laurence J. Zwiebel, Bernhard Breit, Jürgen Liebig, and Anandasankar Ray. Cuticular hydrocarbon pheromones for social behavior and their coding in the ant antenna. *Cell Reports*, 12(8):1261–1271, 2015. DOI:10.1016/j.celrep.2015.07.031.
- [122] Anthony D. Smith. *The cultural foundations of nations: hierarchy, covenant, and republic.* Blackwell, Malden, MA, 2008.

- [123] Nam Sơn. Tác giả hàng loạt vắc xin “made in Vietnam” đột ngột qua đời. *Thanh Niên*, 2015. <http://www.thanhnien.com.vn/suc-khoe/tac-gia-hang-loat-vac-xin-made-in-vn-dot-ngot-qua-doi-596303.html>.
- [124] Alan Sokal and Jean Bricmont. *Fashionable nonsense: postmodern intellectuals' abuse of science*. Picador, New York, NY, 1998.
- [125] Anja Spang, Jimmy H. Saw, Steffen L. Jorgensen, Katarzyna Zaremba-Niedzwiedzka, Joran Martijn, Anders E. Lind, Roel van Eijk, Christa Schleper, Lionel Guy, and Thijs J. G. Ettema. Complex archaea that bridge the gap between prokaryotes and eukaryotes. *Nature*, 521(7551):173–204, 2015.
- [126] Fred Spier. *Big history and the future of humanity*. Wiley-Blackwell, Malden, MA, 2010.
- [127] Mara P. Squicciarini and Nico Voigtländer. Human capital and industrialization: evidence from the Age of Enlightenment. *The Quarterly Journal of Economics*, AIP, 2015. DOI:10.1093/qje/qjv025.
- [128] Joe Steines. *The rough guide to classical music*. Rough Guides, London, UK, 2010.
- [129] James B. Stewart. A fearless culture fuels U.S. tech giants. *The New York Times*, 2015. <http://www.nytimes.com/2015/06/19/business/the-american-way-of-tech-and-europes.html>.
- [130] Madeline Stone. Look inside the rare Leonardo da Vinci notebook that Bill Gates paid more than \$30 million for. *Business Insider*, 2015. <http://www.businessinsider.com.au/look-inside-the-codex-leicester-which-bill-gates-bought-for-30-million-2015-7>.
- [131] Lê Minh Thông. Luật nước và hương ước, lệ làng trong đời sống pháp lý của các cộng đồng làng xã Việt Nam. *Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ ba*, 3:705–714, 2008.
- [132] Peter Throer. Eight reasons I rejected your article. *Elsevier*, 2012. <http://www.elsevier.com/connect/8-reasons-i-rejected-your-article>.

- [133] Đinh Khắc Thuân. Sự thâm nhập của Nho giáo vào làng xã Việt Nam qua tư liệu hương ước. *Nghiên cứu Tôn giáo*, 30(6):17-21, 2004.
- [134] Nguyen Cong Tieu. Note sur une Cécidomie du Riz (*Pachytiplosis oryzae* Wood-Masson). *Bulletin Economique de l'Indochine*, 25:590-593, 1922. <http://gallica.bnf.fr/ark:/12148/bpt6k6536979k.image.langFR>.
- [135] Nguyen Cong Tieu. Notes sur les insectes comestibles au tonkin. *Bulletin Economique de l'Indochine*, 31:735-744, 1928.
- [136] Nguyen Cong Tieu. L'azolla culture comun engrais vert. *Bulletin Economique de l'Indochine*, 33:335-350, 1930.
- [137] Nguyen V. Trang, Le T. Luan, Le T. Kim-Anh, Vu T.B. Hau, Le T.H. Nhung, Pimnapar Phasuk, Orntipa Setrabutr, Hannah Shirley, Jan Vinje, Dang D. Anh, et al. Detection and molecular characterization of noroviruses and sapoviruses in children admitted to hospital with acute gastroenteritis in vietnam. *Journal of Medical Virology*, 84(2):290-297, 2012.
- [138] Vuong Thu Trang and Tran Ngoc Van. Seizing the day: how determined and decisive are vietnamese entrepreneurs? *Vietnam Economic Times*, 24(11/261):36-37, 2015.
- [139] James Trefil, Harold J. Morowitz, and Eric Smith. The origin of life. *American Scientist*, 97(3):206-213, 2009.
- [140] Jonathan H. Turner, Leonard Beeghley, and Charles H. Powers. *The emergence of sociological theory*. SAGE, London, UK, 2012.
- [141] Ngô Sĩ Liên , Phạm Công Trứ , Lê Hi và Nguyễn Quý Đức. *Đại Việt sử ký toàn thư*. Nxb Thời Đại, Hà Nội, 2013[1479-1697].
- [142] Nguyễn Thanh Thịnh và Nguyễn Thanh Hà. Chuyển giao và đổi mới công nghệ qua đầu tư trực tiếp nước ngoài. *Nhân Dân*, 2015. <http://www.nhandan.com.vn/khoahoc/khoahoc/item/25613102-chuyen-giao-va-doi-moi-cong-nghe-qua-dau-tu-truc-tiep-nuoc-ngoai.html>.
- [143] Đỗ Thị Thu Hằng và Trần Ngọc Vân. AEC hình thành, Việt Nam có cất được "tiếng gầm"? *Kinh tế và Dự báo*, 48(18/602):19-20, 2015.

- [144] Bạch Ngọc Chiến và Vương Quân Hoàng. Hành trình vươn tới sự hoàn mỹ. *Kinh tế và Dự báo*, 48(21/605):27-29, 2015.
- [145] Bạch Ngọc Chiến và Vương Quân Hoàng. Vai trò của yếu tố văn hóa trong nền móng kinh tế. *Kinh tế và Dự báo*, 48(17/601):18-20, 2015. ISSN:0866-7120.
- [146] Nguyễn Hồng Sơn và Vương Quân Hoàng. Chức năng kinh tế và chức năng quản lý kinh tế của Nhà nước. *Kinh tế và Dự báo*, 48(20/604):1-5, 2015. ISSN:0866-7120.
- [147] Dominique van de Walle and Dorothyjean Cratty. Is the emerging nonfarm market economy the route out of poverty in vietnam. *WB Policy Research Working Paper*, 2003, Jan 2003. No. 2950.
- [148] Wouter van den Bos, Christian A. Rodriguez, Julie B. Schweitzer, and Samuel M. McClure. Adolescent impatience decreases with increased frontostriatal connectivity. *PNAS*, 112(29):E3765-E3774, 2015. DOI:10.1073/pnas.1423095112.
- [149] John C. van Dyke. *A textbook of the history of painting*. Longmans, Green, and Co., New York, NY, 1909.
- [150] Richard van Noorden. Publishers withdraw more than 120 gibberish papers. *Nature*, pages 379-396, 2014. 10.1038/nature.2014.14763.
- [151] Anthony F.J. van Raan. Sleeping beauties in science. *Scientometrics*, 59(3):467-472, 2004.
- [152] Carel P. van Schaik, Marc Ancrenaz, Gwendolyn Borgen, Birute Galdikas, Cheryl D. Knott, Ian Singleton, Akira Suzuki, Sri Suci Utami, and Michelle Merrill. Orangutan cultures and the evolution of material culture. *Science*, 229(5603):102-105, 2003. DOI:10.1126/science.1078004.
- [153] Inder M. Verma. Impact, not impact factor. *Proceedings of the National Academy of Sciences*, 112(26):7875-7876, 2015. DOI:10.1073/pnas.1509912112.
- [154] Quan Hoang Vuong, Van Nhue Dam, Daniel van Houtte, and Tri Dung Tran. The entrepreneurial facets as precursor to vietnam's economic renovation in 1986. *The IUP Journal of Entrepreneurship Development*, VIII(4):6-47, 2011.

- [155] Quan Hoang Vuong and Nancy K. Napier. Anatomy of the 3D innovation production with the Cobb-Douglas specification. *Sociology Study*, 3(1):69–78, 2013. DOI:10.17265/2159-5526/2013.01.006.
- [156] Quan Hoang Vuong and Nancy K. Napier. Making creativity: the value of multiple filters in the innovation process. *International Journal of Transitions and Innovation Systems*, 3(4):294–327, 2014. DOI:10.1504/IJTIS.2014.068306.
- [157] Quan Hoang Vuong and Nancy K. Napier. Resource curse or destructive creation in transition: evidence from Vietnam's corporate sector. *Management Research Review*, 37(7):642–657, 2014. DOI:10.1108/MRR-12-2012-0265.
- [158] Quan Hoang Vuong, Nancy K. Napier, and Donaldine E. Samson. Relationship between innovations, capital expenditures and post-M&A performance: evidence from Vietnam, 2005-2012. *The IUP Journal of Business Strategy*, XI(1):34–41, 2014.
- [159] Quan Hoang Vuong, Nancy K. Napier, Dung T. Tran, and Hong Kong T. Nguyen. A categorical data analysis on financial failures in Vietnam, 2007-2013. *Int. Journal of Business and Management*, 8(18):87–94, 2013. DOI:10.5539/ijbm.v8n18p87.
- [160] Quan Hoang Vuong, Nancy K. Napier, and Tri Dung Tran. A categorical data analysis on relationships between culture, creativity and business stage: the case of Vietnam. *International Journal of Transitions and Innovation Systems*, 3(1):4–24, 2013. DOI:10.1504/IJTIS.2013.056595.
- [161] Peter Watson. *Ideas: a history of thought and inventions, from fire to Freud*. Harper Perennial, New York, NY, 2006.
- [162] Jonatahn Wolff. Doctor, doctor... we're suffering a glut of PhDs who can't find academic jobs. *The Guardian*, 2015. <http://www.theguardian.com/education/2015/apr/21/phd-cant-find-academic-job-university>.
- [163] Michael Woolcock. Social capital and economic development: toward a theoretical synthesis and policy framework. *Theory and Society*, 27(2):151–208, 1998.



- [164] Elizabeth Zwaaf. Eight reasons I accepted your article. *Elsevier*, 2013. <http://www.elsevier.com/connect/8-reasons-i-accepted-your-article>.

Chịu trách nhiệm xuất bản:  
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP  
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung:  
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP  
TS. ĐỖ QUANG DŨNG

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ KIM HUỆ  
HOÀNG THỊ THU HƯỜNG  
TRẦN THỊ THANH PHIỆT

Trình bày bìa: BÙI QUANG KHIÊM  
HÀ LAN

Chế bản vi tính: ĐỖ THỊ THU HẰNG

Sửa bản in: HỒNG LINH

Đọc sách mẫu: BAN KINH TẾ

Mã số:  $\frac{32(V)2}{CTQG - 2015}$

---

In 2.000 cuốn, khổ 15 x 22 cm, tại: Xí nghiệp in Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc (128C/22 Đại La - Hai Bà Trưng - Hà Nội).

Số đăng ký xuất bản: 3357-2015/CXBIPH/9-174/CTQG.

Quyết định xuất bản số: 6517-QĐ/NXBCTQG.

In xong và nộp lưu chiểu tháng 11 - 2015.

Mã số ISBN: 978-604-57-2026-4.

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT**

**12/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội**

**ĐT: 080.49221 Fax: 080.49222**

**Email: [suthat@nxbctqg.vn](mailto:suthat@nxbctqg.vn) website: [www.nxbctqg.vn](http://www.nxbctqg.vn)**

**BẰNG CHỨNG CUỘC SỐNG**

SUY NGÃM VỀ  
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG  
VIỆT NAM

